

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2024

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Nguyễn Xuân Luyện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Dương Tuấn Duy – Thư ký
Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2024/TLST- HNGĐ ngày 02/01/2024 về: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1993; HKTT và chỗ ở: phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Tuấn A, sinh năm 1990; HKTT và chỗ ở: phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2023 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Huỳnh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, ngày 03/04/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng đều không có kết quả và ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ, chị xin ly hôn với anh Huỳnh Tuấn A.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Huỳnh Hải B, sinh ngày 12/9/2014 và Huỳnh Minh V, sinh ngày 19/5/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án bị đơn anh Huỳnh Tuấn A trình bày:

Về hôn nhân: Anh Tuấn A và chị Nguyễn Thùy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, ngày 03/04/2014. Quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tuấn A mãi chơi không quan tâm đến vợ con và gia đình, vợ chồng đã ly thân khoảng 2 năm kể từ năm 2022, anh mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ nếu vợ anh quyết tâm và không còn tình cảm anh xin chấp nhận ly hôn với chị Nguyễn Thùy L.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Huỳnh Hải B, sinh ngày 12/9/2014 và Huỳnh Minh V, sinh ngày 19/5/2016. Khi ly hôn, nguyện vọng của anh là để cho chị L hoàn toàn quyết định và không có yêu cầu gì. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; về con chung giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung không phải giải quyết do anh chị không yêu cầu. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thùy L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Tuấn A. Anh Huỳnh Tuấn A là bị đơn trong vụ án sinh sống tại địa chỉ số: phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Tại phiên tòa anh Huỳnh Tuấn A vắng mặt nhưng làm đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L và anh Huỳnh Tuấn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, ngày 03/04/2014 là hôn nhân hợp pháp. Năm 2023, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng cãi vã và đã ly thân nhiều lần. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thùy L vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Tuấn A do vợ chồng không còn tình cảm còn anh Huỳnh Tuấn A mặc dù trình bày vẫn còn tình cảm mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chính anh cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, không sống chung, sống ly thân mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy vợ chồng đã thực sự không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nay bỏ mặc người kia muốn sống ra sao thì sống, thường xuyên cãi vã. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Tuấn A đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Huỳnh Hải B, sinh ngày 12/9/2014 và Huỳnh Minh V, sinh ngày 19/5/2016. Ly hôn, chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh Tuấn A cũng nhất trí để cho chị L hoàn toàn quyết định do anh đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Xét thấy việc giao hai con chung cho chị Nguyễn Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc sau ly hôn là hợp tình, hợp lý.

[4]. Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không phải giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy L được ly hôn với anh Huỳnh Tuấn A.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thùy L và anh Huỳnh Tuấn A có 02 con chung tên là Huỳnh Hải B, sinh ngày 12/9/2014 và Huỳnh Minh V, sinh ngày 19/5/2016. Giao hai con chung là cháu Huỳnh Hải B và cháu Huỳnh Minh V cho chị Nguyễn Thùy L trực tiếp trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Huỳnh Tuấn A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Huỳnh Tuấn A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018372 ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- UBND phường Đức Giang, Long Biên, HN;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Quang

